TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 13/2017/DS-ST Ngày: 25-7-2017 V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hải Long

2. Ông Vàng Huy Lập

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Thành Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST - DS ngày 26/4/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-DS ngày 19/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Dương Quyết T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng C).

- Ông Huỳnh Thanh L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

- Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại số đường T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 787/GUQ-NHCS ngày 01/12/2016 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng C).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L; cư trú tại thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng H2;

3.2. Chị Đặng Trần Yến G;

3.3. Anh Đặng Trần Anh D.

Cùng cư trú tại thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng bà L, ông H2, chị G, anh D vắng mặt, bà H1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Giữa Chi nhánh Ngân hàng C và bà Trần Thị L có xác lập giao dịch vay tài sản theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và hộ cận nghèo, cụ thể như sau:

+ Ngày 25/10/2011 lập giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; chương trình cho vay: học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để chi phí học tập cho sinh viên Đặng Thị Yến G với số tiền 31.000.000đ, lãi suất 0,65%; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay là 75 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, số tiền trả nợ 5.000.000đ/lần; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/02/2018; giấy đề nghị nói trên đã được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 08/11/2011 (mã món vay: S11V215004, Mã KH: 44.10.150.185); giải ngân từng đợt, đợt cuối cùng vào ngày 12/11/2013.

+ Ngày 30/10/2013 lập giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; chương trình cho vay: hộ cận nghèo để làm nhà kính trồng hoa diện tích 500m^2 với số tiền là 15.000.000đ, lãi suất 0,78%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 5.000.000đ/lần; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/11/2016; giấy đề nghị nói trên đã được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 07/11/2013 (mã món vay: 6600000700063421, Mã khách hàng: 1044074281); giải ngân vào ngày 12/11/2013.

Việc cho vay nói trên không có bảo đảm bằng tài sản mà thông qua sổ vay vốn do Hội phụ nữ xã X, thành phố Đ nhận ủy thác.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã yêu cầu hộ bà L trả nợ nhiều lần nhưng hộ bà L vẫn chưa trả nợ. Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ bà Trần Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 46.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị H1, *người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C,* yêu cầu hộ bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu, cụ thể như sau:

Chương trình cho vay: học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: tiền gốc là: 31.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 3.553.095đ.

Chuương trình cho vay: hộ cận nghèo: tiền gốc là: 15.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 2.361.450đ.

Yêu cầu hộ bà Trần Thị L tiếp tục chịu lãi của hai khoản vay nói trên tính từ ngày 26/7/2017 theo quy định của pháp luật cho đến khi thi hành án xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Ngân hàng C, Chi nhánh Lâm Đồng và bà Trần Thị L có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp theo đó Ngân hàng yêu cầu hộ bà L phải trả số tiền lãi và gốc còn thiếu. Do vậy có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Do bà Trần Thị L, ông Đặng H2, chị Đặng Thị Yến G, anh Đặng Trần Anh D vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, thông qua sổ tiết kiệm và vay vốn do Hội phụ nữ xã X, thành phố Đ nhận ủy thác, hộ bà Trần Thị L đã vay của Ngân hàng C - Chi nhánh Lâm Đồng 02 khoản vay gồm chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là 31.000.000đ và chương trình cho vay hộ cận nghèo là 15.000.000đ, ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền nói trên cho bà L. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo đòi nợ. Do bên vay đã vi phạm hợp đồng nên nay Ngân hàng C – Chi nhánh Lâm Đồng yêu cầu bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải trả nợ gốc và lãi còn thiếu là phù hợp.

[4] Ngân hàng C được thành lập để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, mặc dù tại giấy đề nghị vay

vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chỉ có bà L là người ký tên, tuy nhiên theo sổ vay vốn mà Ngân hàng cấp cho bà Trần Thị L thì ông Đặng 2, chồng bà L, là người thừa kế của bà L, việc vay vốn theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là để chi phí học tập cho sinh viên Đặng Thị Yến G, con của vợ chồng ông H2, bà L; đối với chương trình cho vay hộ cận nghèo thì mục đích vay là đầu tư làm nhà lồng trồng hoa, phục vụ cho việc trồng trọt, canh tác của gia đình ông H2, bà L; do vậy cần buộc vợ chồng ông H2, bà L phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là hợp lý.

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc vợ chồng ông H2, bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền cụ thể: khoản vay của chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tiền gốc là 31.000.000đ và lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 3.553.095đ; khoản vay của chương trình cho vay hộ cận nghèo tiền gốc là 15.000.000đ và lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 2.361.450đ và tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 26/7/2017 theo quy định của pháp luật cho đến khi thi hành án xong. Tổng cộng là 51.914.545đ.

[5] *Về án phí:* Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông H2, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 11; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* đối với bà Trần Thị L.

Tuyên xử:

Buộc vợ chồng ông Đặng H2, bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng Csố tiền cụ thể như sau:

1. Khoản vay của chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tiền gốc là 31.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 3.553.095đ (ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng); tổng cộng là 34.553.095đ (ba mươi bốn triệu năm trăm năm mươi ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng).

2. Khoản vay của chương trình cho vay hộ cận nghèo tiền gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 2.361.450đ (hai triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi đồng); tổng cộng là 17.361.450đ (mười bảy triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

- *Về án phí:*

Vợ chồng ông Đặng H2, bà Trần Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.595.727đ. Ngân hàng C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.246.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0008116 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Châu Thạch